

Phụ lục II
DANH MỤC KHU VỰC CẤM KHAI THÁC THỦY SẢN CÓ THỜI HẠN
Ở VÙNG VEN BỜ, VÙNG LỘNG VÀ VÙNG NỘI ĐỊA
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng ven bờ

TT	Tên điểm, khu vực	Xã, phường	Hệ tọa độ VN 2000 (Tọa độ địa lý)		Đặc điểm	Thời gian cấm khai thác
			Kinh độ (L) Độ, phút, giây	Vĩ độ (B) Độ, phút, giây		
1	Hòn Chùa	Bình Kiến	109 ⁰ 18'28"	13 ⁰ 10'50"	- Diện tích 30ha - Khu vực thủy sản nằm trên đường di cư của loài thủy sản có giá trị kinh tế	- Từ ngày 01/1 đến ngày 31/3 (dương lịch) hàng năm. - Từ ngày 01/12 đến ngày 31/12 (dương lịch) hàng năm.
			109 ⁰ 18'40"	13 ⁰ 10'50"		
			109 ⁰ 18'40"	13 ⁰ 10'22"		
			109 ⁰ 18'28"	13 ⁰ 10'22"		
2	Vùng ven biển Tuy Hòa	Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên	109 ⁰ 18'05"	13 ⁰ 07'35"	- Diện tích 4.013ha - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống	- Từ ngày 01/11 đến ngày 30/11 (dương lịch) hàng năm.
			109 ⁰ 20'30"	13 ⁰ 08'50"		
			109 ⁰ 23'00"	13 ⁰ 05'00"		
			109 ⁰ 20'36"	13 ⁰ 03'45"		

2. Khu vực cấm khai thác thủy sản ở vùng nội địa

TT	Tên điểm, khu vực	Xã, phường	Hệ tọa độ VN 2000 (Tọa độ địa lý)		Đặc điểm	Thời gian cấm khai thác
			Kinh độ (L) Độ, phút, giây	Vĩ độ (B) Độ, phút, giây		
I	Sông Srêpôk					
1	Đoạn sau Nhà máy thủy điện Đray H'Linh đến hồ chứa thủy điện Srêpôk 3	Hòa Phú, Ea Nuôl	107°54'18.66" 107°54'19.45"	12°40'31.47" 12°43'36.40"	- Sông dài khoảng 6.200 m. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	- Từ ngày 01/06 đến ngày 31/12 (dương lịch) hàng năm
II	Sông Krông Ana (16 vùng ngập lụt sông Krông Ana)					
2	Ngã sáu - Đập thủy điện	Ea Na	107°57'36.0324"	12°30'54.2844"	- Sông dài khoảng 3.800 m. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	- Từ ngày 01/11 đến ngày 30/4 (dương lịch) năm sau
			107°57'41.076"	12°30'59.8248"		
			107°59'12.4404"	12°29'41.82"		
			107°59'6.63"	12°29'32.4528"		

3	Thành công	Ea Na	107°59'32.532"	12°29'37.608"	- Sông dài khoảng 1.600 m. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	- Từ ngày 01/5 đến ngày 31/10 (dương lịch) hàng năm
			107°59'34.3068"	12°29'42.81"		
			108°0'20.9952"	12°29'47.1156"		
			108°0'24.372"	12°29'43.6128"		
4	Cù Lao sông Krông Ana	Ea Na, Krông Ana	108°0'17.5212"	12°29'36.1032"	- Sông dài khoảng 1.700 m. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	- Từ ngày 01/5 đến ngày 31/10 (dương lịch) hàng năm
			108°0'20.718"	12°29'40.056"		
			108°1'7.6188"	12°29'10.6224"		
			108°1'1.2468"	12°29'8.6748"		
5	Cánh đồng Suối đục	Ea Na	108°0'31.1616"	12°30'7.074"	- Suối đục và cánh đồng ngập lụt khoảng 107 ha. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	- Từ ngày 01/5 đến 31/10 (dương lịch) hàng năm
			108°0'40.2336"	12°30'9.1764"		
			108°0'48.438"	12°30'13.9788"		
			108°0'58.7304"	12°30'10.7856"		
			108°1'8.8752"	12°30'9.7776"		
			108°1'18.3432"	12°30'14.5476"		
			108°1'26.2812"	12°30'8.7372"		
			108°1'26.6376"	12°29'57.444"		
			108°1'16.554"	12°29'48.6492"		
			108°1'8.3532"	12°29'49.524"		
			108°1'0.1884"	12°29'46.14"		
			108°0'53.1684"	12°29'40.8696"		
			108°0'35.5464"	12°29'58.1028"		
6	Cánh đồng Đạt Lý	Krông Ana	108°1'11.2584"	12°28'26.6916"	- Khoảng 60 ha - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	- Từ ngày 01/7 đến ngày 30/9 (dương lịch) hàng năm
			108°1'9.6564"	12°28'47.244"		
			108°1'45.1272"	12°28'42.2148"		
			108°1'40.044"	12°28'21.9144"		
7	Sinh voi	Krông Ana	108°1'14.722"	12°28'20.8812"	- Khoảng 05 ha. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản và thủy sản còn non sinh sống.	Cả năm
			108°1'14.8332"	12°28'26.0328"		
			108°1'25.5288"	12°28'24.3156"		
			108°1'25.8924"	12°28'18.3216"		
8	Cánh đồng Bầu Cụt	Krông Ana	108°0'5.1624"	12°27'8.5284"	- Sông và cánh đồng ngập lụt khoảng 184 ha - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	- Từ ngày 01/7 đến ngày 30/9 (dương lịch) hàng năm
			108°0'53.8128"	12°27'41.7348"		
			108°1'9.048"	12°27'29.2608"		
			108°1'8.7528"	12°27'9.54"		
			108°0'16.6536"	12°26'43.8108"		
9	Cánh đồng Bầu bèo	Krông Ana	108°0'37.6596"	12°26'54.1788"	- Sông và cánh đồng ngập lụt khoảng 84 ha. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	- Từ ngày 01/7 đến ngày 30/9 (dương lịch) hàng năm
			108°1'5.07"	12°27'7.7256"		
			108°1'20.6292"	12°26'37.3092"		
			108°0'57.996"	12°26'28.4244"		
10	Ngã ba Bầu Gai - Đồi	Krông Ana	108°0'46.5336"	12°26'5.9712"	- Sông dài khoảng 1.400 m.	- Từ ngày 01/5 đến
			108°0'49.1688"	12°26'13.668"		

	42		108 ⁰ 1'19.776"	12 ⁰ 26'22.5096"	- Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	ngày 31/10 (dương lịch) hàng năm
			108 ⁰ 1'24.4416"	12 ⁰ 26'22.2324"		
11	Bầu Gai	Krông Ana	108 ⁰ 1'5.3508"	12 ⁰ 26'11.6808"	- Khoảng 13 ha. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	- Từ ngày 01/11 đến ngày 30/4 (dương lịch) năm sau
			108 ⁰ 1'6.9672"	12 ⁰ 26'13.8156"		
			108 ⁰ 1'11.2872"	12 ⁰ 26'12.1632"		
			108 ⁰ 1'13.3032"	12 ⁰ 26'9.2256"		
			108 ⁰ 1'18.0948"	12 ⁰ 26'9.3984"		
			108 ⁰ 1'23.5056"	12 ⁰ 26'3.9588"		
			108 ⁰ 1'20.712"	12 ⁰ 25'59.0592"		
			108 ⁰ 1'12.7056"	12 ⁰ 25'56.9064"		
12	Bầu Sen	Krông Ana	108 ⁰ 0'9.6192"	12 ⁰ 25'49.242"	- Sông và cánh đồng ngập lụt khoảng 63 ha. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	- Từ ngày 01/7 đến ngày 30/9 (dương lịch) hàng năm
			108 ⁰ 0'24.5556"	12 ⁰ 26'12.9768"		
			108 ⁰ 0'43.8516"	12 ⁰ 26'11.3568"		
			108 ⁰ 0'43.9596"	12 ⁰ 26'0.9744"		
			108 ⁰ 0'39.2436"	12 ⁰ 25'43.9932"		
13	Bầu Rô	Krông Ana	108 ⁰ 0'43.254"	12 ⁰ 25'58.4292"	- Diện tích khoảng 19 ha. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	- Từ ngày 01/11 đến ngày 30/4 (dương lịch) năm sau
			108 ⁰ 0'43.9596"	12 ⁰ 26'0.9744"		
			108 ⁰ 0'56.0376"	12 ⁰ 25'55.074"		
			108 ⁰ 1'8.8176"	12 ⁰ 25'36.1056"		
			108 ⁰ 1'4.6704"	12 ⁰ 25'32.5632"		
14	Bầu Lạnh	Krông Ana	108 ⁰ 0'41.2704"	12 ⁰ 25'20.2728"	- Bầu Lạnh và xung quanh khoảng 15 ha. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	- Từ ngày 01/11 đến ngày 30/4 (dương lịch) năm sau
			108 ⁰ 0'50.0328"	12 ⁰ 25'28.6932"		
			108 ⁰ 1'2.496"	12 ⁰ 25'24.0348"		
			108 ⁰ 0'56.2284"	12 ⁰ 25'14.4696"		
15	Bầu Núi	Krông Ana	108 ⁰ 0'28.1592"	12 ⁰ 25'13.1844"	- Sông và cánh đồng ngập lụt khoảng 36 ha. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	- Từ ngày 01/7 đến ngày 30/9 (dương lịch) hàng năm
			108 ⁰ 0'39.6468"	12 ⁰ 25'16.9212"		
			108 ⁰ 0'38.124"	12 ⁰ 25'4.62"		
			108 ⁰ 0'47.754"	12 ⁰ 24'59.1336"		
			108 ⁰ 1'7.374"	12 ⁰ 25'2.5536"		
			108 ⁰ 1'0.4692"	12 ⁰ 24'52.7868"		
			108 ⁰ 0'40.4244"	12 ⁰ 24'51.2532"		
			108 ⁰ 0'28.4076"	12 ⁰ 25'3.6912"		
16	Ngã ba Eo Đồn	Krông Ana	108 ⁰ 1'31.566"	12 ⁰ 24'56.9088"	- Sông và cánh đồng ngập lụt khoảng 11 ha - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	- Từ ngày 01/5 đến ngày 31/10 (dương lịch) hàng năm
			108 ⁰ 1'34.8348"	12 ⁰ 25'3.3708"		
			108 ⁰ 1'37.8156"	12 ⁰ 25'4.9044"		
			108 ⁰ 1'44.5656"	12 ⁰ 24'56.9844"		
			108 ⁰ 1'39.432"	12 ⁰ 24'46.7316"		
17	Bầu Sen	Krông Ana	108 ⁰ 1'53.742"	12 ⁰ 25'18.4404"	- Hồ tự nhiên và cánh đồng ngập lụt khoảng 12 ha. - Khu vực thủy	- Từ ngày 01/11 đến ngày 30/4 (dương
			108 ⁰ 1'54.264"	12 ⁰ 25'21.918"		
			108 ⁰ 1'57.2808"	12 ⁰ 25'21.3528"		
			108 ⁰ 2'2.8392"	12 ⁰ 25'23.754"		

			108°2'9.6792"	12°25'21.2952"	sản còn non tập trung sinh sống.	lịch) năm sau
			108°2'10.68"	12°25'16.9788"		
			108°2'13.5348"	12°25'17.8788"		
			108°2'18.7404"	12°25'17.652"		
			108°2'8.4912"	12°25'11.2224"		
			108°2'3.5376"	12°25'15.5172"		
			108°1'58.0944"	12°25'15.4848"		
			108°1'56.964"	12°25'19.038"		
III	Hồ Lắk					
18	Buôn M'lieng, Buôn Drung, Buôn Bhôk	Đắk Liêng, Liên Sơn Lắk	108°10'0.57"	12°25'24.62"	- Một phần hồ khoảng 52 ha. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	Cả năm
			108°10'9.48"	12°25'22.49"		
			108°10'19.67"	12°25'37.17"		
			108°10'33.33"	12°25'31.34"		
			108°10'42.99"	12°25'30.64"		
			108°10'44.98"	12°25'36.05"		
			108°10'44.41"	12°25'54.63"		
			108°10'54.02"	12°26'1.67"		
			108°11'3.66"	12°25'58.89"		
			108°10'55.12"	12°25'57.05"		
			108°10'45.20"	12°25'50.90"		
			108°11'17.03"	12°26'9.92"		
			108°11'21.68"	12°26'11.40"		
			108°11'22.21"	12°26'14.70"		
			108°11'26.22"	12°26'15.02"		
			108°11'26.10"	12°26'9.59"		
			108°11'28.17"	12°26'8.25"		
			108°11'26.57"	12°26'5.91"		
			108°11'17.14"	12°26'6.28"		
			108°11'51.78"	12°25'37.00"		
			108°11'34.54"	12°25'36.54"		
			108°11'21.19"	12°25'29.95"		
			108°11'12.80"	12°25'18.03"		
			108°11'13.68"	12°24'54.47"		
			108°11'29.28"	12°24'51.29"		
			108°11'48.72"	12°24'59.43"		
			108°11'51.64"	12°25'32.45"		
			108°11'39.80"	12°25'31.14"		
			108°11'31.64"	12°25'21.67"		
			108°11'34.71"	12°25'18.02"		
			108°11'37.67"	12°24'33.68"		
			108°11'28.37"	12°24'38.36"		
			108°11'16.43"	12°24'38.14"		
			108°11'6.62"	12°24'30.36"		
			108°11'10.58"	12°24'28.14"		
			108°11'15.65"	12°24'30.85"		
108°11'21.44"	12°24'32.01"					
108°11'26.19"	12°24'34.66"					
108°11'33.83"	12°24'37.45"					
108°11'40.40"	12°24'35.90"					

IV Sông Ba						
19	Ven bờ từ cửa sông Đà Rằng tới khu vực xã Phú Hòa 1	Tuy Hòa, Phú Hòa 1	109 ⁰ 19'55.30"	13 ⁰ 05'02.39"	- Diện tích 1.250ha. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	- Từ ngày 01/4 đến ngày 15/8 (dương lịch) hàng năm
			109 ⁰ 19'39.59"	13 ⁰ 05'24.53"		
			109 ⁰ 07'56.87"	12 ⁰ 59'51.37"		
			109 ⁰ 07'52.66"	12 ⁰ 59'42.95"		
20	Khu vực chân cầu Sông Ba nối xã Đức Bình	Sơn Hòa, Đức Bình	108 ⁰ 57'51.26"	13 ⁰ 02'30.04"	- Diện tích 85ha - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	- Từ ngày 01/4 đến ngày 15/8 (dương lịch) hàng năm
			108 ⁰ 57'44.05"	13 ⁰ 02'20.75"		
			108 ⁰ 56'42.08"	13 ⁰ 02'57.78"		
			108 ⁰ 56'47.37"	13 ⁰ 03'04.38"		

Ghi chú: Khu vực cấm là thuộc phạm vi các điểm có tọa độ thuộc khu vực đó nối liền với nhau.